

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Chủ đề 1: Địa lí dân cư 3,5 điểm TN = 35 %	- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông - Thương mại và dịch vụ du lịch	8 TN		4 TN		2 TN				3,5đ (35%)
2	Chủ đề 2 Sự phân hóa lãnh thổ 3,5 điểm TN 3 điểm TL = 6,5%	- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng sông Hồng		1TL	8 TN		2 TN	1TL	4 TN		6,5đ (75%)
Tỉ lệ			8 TN (2đ) 1 TL (2đ) 40%		12 TN (3đ) 30%		4 TN (1đ) 1 TL (1đ) 20%		4 TN (1đ) 10%		100%
Tỉ lệ chung			40%		30%		30%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: Địa lí dân cư 3.5 điểm TN = 35 %	- Giao thông vận tải và bưu chính viễn thông - Thương mại và du lịch	Nhận biết - Các loại hình giao thông vận tải - Các trung tâm thương mại, du lịch lớn - Cơ cấu ngành dịch vụ, hoạt động thương mại - Tài nguyên du lịch Thông hiểu - Vai trò của ngành dịch vụ đối với phát triển kinh tế Việt Nam - Điều kiện thuận lợi phát triển GTVT đường biển - Hiểu khó khăn về GTVT của nước ta Vận dụng - Nhận xét bảng số liệu - Loại hình dịch vụ sử dụng	8 TN	4 TN	2TN	
2	Chủ đề 2 Sự phân hóa lãnh thổ 3,5 điểm TN 3 điểm TL = 6,5%	- Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ - Vùng Đồng bằng sông Hồng	Nhận biết - Sự khác biệt về tự nhiên và thế mạnh kinh tế của 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc Thông hiểu - Nguyên nhân chè được trồng nhiều ở vùng TDMNBB; lúa được trồng nhiều ở ĐBSH - Thế mạnh và khó khăn của vùng TDMNBB - Các ngành Công nghiệp trọng điểm ĐBSH - Đặc điểm dân cư ĐBSH Vận dụng - Ý nghĩa của vụ đông của ĐBSH	1 TL	8TN	2TN 1 TL	4 TN

		<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình đô thị hóa ở ĐBSH - Nguyên nhân thất nghiệp cao ở ĐBSH <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết biểu đồ - Các nhân tố tự nhiên ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - Giải thích về hiện tượng lạnh sớm ở vùng Đông Bắc của TDMNBB 				
	Số câu/ loại câu		8 TN 1TL	12 TN	4TN 1TL	4 TN
	Tỉ lệ %		40%	30%	20%	10%

- A. phong cảnh kỳ thú.
- C. vườn quốc gia.

- B. bãi tắm đẹp.
- D. khí hậu tốt.

Câu 8. Tại sao cây chè được trồng nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Thổ nhưỡng, khí hậu phù hợp.
- B. Khí hậu, nguồn nước dồi dào.
- C. Sinh vật, địa hình đa dạng.
- D. Địa hình, khoáng sản phong phú.

Câu 9. Ý nào sau đây không đúng với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Các tỉnh đều chung biên giới với Trung Quốc.
- B. Gồm có 15 tỉnh
- C. Có diện tích lớn nhất nước.
- D. Lãnh thổ giàu tiềm năng kinh tế.

Câu 10. Ngành nào dưới đây không phải là ngành công nghiệp trọng điểm của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.
- B. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.
- C. Công nghiệp khai thác chế biến dầu khí.
- D. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 11. Đồng bằng sông Hồng dẫn đầu cả nước về hoạt động công nghiệp do:

- A. có nhiều trung tâm công nghiệp quy mô lớn nhất nước.
- B. giàu có nhất nước về tài nguyên thiên nhiên.
- C. khai thác có hiệu quả các thế mạnh vốn có.
- D. có nguồn lao động dồi dào và trình độ tay nghề cao.

Câu 12. Ý nào sau đây không phải là đặc điểm dân cư của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Có mật độ dân cư cao nhất cả nước.
- B. Người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất.
- C. Nguồn lao động dồi dào.
- D. Phần lớn dân cư sống ở thành thị.

Câu 13. Cho bảng số liệu:

KHÁCH DU LỊCH, DOANH THU TỪ DU LỊCH VÀ CƠ SỞ LƯU TRÚ
CỦA NGÀNH DU LỊCH NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2017

Năm	2000	2005	2010	2012	2017
Khách du lịch (<i>triệu lượt khách</i>)	13,4	19,6	33,4	39,4	86,1
Doanh thu từ du lịch (<i>Nghìn tỉ đồng</i>)	17,4	30	96	160	510
Cơ sở lưu trú (<i>cơ sở</i>)	3276	6287	12352	15381	25600

(Nguồn: Báo cáo của Tổng cục Du lịch Việt Nam, ngày 26 tháng 12 năm 2017)

Nhận xét nào sau đây **đúng nhất** về tốc độ tăng trưởng ngành du lịch nước ta từ năm 2000 đến 2017?

- A. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch tăng nhanh nhất.
- B. Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ du lịch tăng nhanh nhất.
- C. Tốc độ tăng trưởng cơ sở lưu trú tăng chậm nhất.
- D. Tốc độ tăng trưởng doanh thu từ du lịch tăng chậm nhất.

Câu 14. Nguyên nhân chính khiến Đồng bằng sông Hồng có năng suất lúa cao nhất cả nước là

- A. đất đai màu mỡ .
- B. khí hậu ổn định.
- C. lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- D. trình độ thâm canh cao.

Câu 15: Nước ta có mấy loại hình giao thông vận tải?

- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 16. Khó khăn lớn nhất trong việc khai thác khoáng sản ở Trung du miền núi Bắc Bộ :

- A. khoáng sản phân bố rải rác.
- B. khí hậu diễn biến thất thường.
- C. địa hình dốc, giao thông khó khăn.
- D. đòi hỏi chi phí đầu tư lớn và công nghệ cao.

Câu 17. Thế mạnh nào sau đây không phải của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

- A. phát triển tổng hợp kinh tế biển và du lịch.
- B. khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.
- C. chăn nuôi gia cầm (đặc biệt là vịt đàn) .
- D. chế biến cây công nghiệp cận nhiệt, ôn đới.

Câu 18. Loại hình vận tải nào chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng hàng hóa vận chuyển của nước ta?

A. Đường sắt. B. Đường sông. C. Đường bộ. D. Đường biển.

Câu 19. Hai trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch lớn và đa dạng nhất nước ta là

A. Hà Nội, TP Hồ Chí Minh. B. Đà Nẵng, Hà Nội.
C. Hải Phòng, Cần Thơ. D. Vũng tàu, Đà Nẵng.

Câu 20. Hiện nay nước ta buôn bán nhiều nhất với thị trường nào?

A. Châu Âu. B. Châu Phi. C. Châu Mỹ. D. Châu Á -Thái Bình Dương.

Câu 21. Việc sát nhập Hà Tây vào thành phố Hà Nội là một trong những biểu hiện của quá trình

- A. đô thị hóa tự giác.
- B. đô thị hóa tự phát.
- C. mở cửa hội nhập.
- D. chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 22. Loại hình giao thông nào mới xuất hiện trong những năm gần đây?

A. Đường bộ. B. Đường sắt. C. Đường ống. D. Đường hàng không.

Câu 23. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị của Đồng bằng sông Hồng cao?

- A. Cơ cấu dân số trẻ.
- B. Quy mô dân số đông.
- C. Gia tăng cơ giới cao.
- D. Kinh tế chậm phát triển.

Câu 24. Ngành dịch vụ nào có vai trò quan trọng nhất góp phần đưa Việt Nam nhanh chóng hội nhập nền kinh tế thế giới?

- A. Bưu chính viễn thông.
- B. Giao thông vận tải.
- C. Khách sạn, nhà hàng.
- D. Tài chính tín dụng.

Câu 25. Cho bảng số liệu sau:

QUY MÔ VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG NĂM
2014

(Đơn vị: Nghìn ha)

Loại đất	Tổng diện tích	Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Đất chuyên dùng	Đất ở	Các loại đất khác
Đồng bằng sông Hồng	2106	769,3	519,8	318,4	141	357,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Cột. C. Đường. D. Tròn

Câu 26. Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

- A. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa. B. giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.
C. thay đổi phân bố dân cư trong vùng. D. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 27. Yếu tố nào sau đây là chủ yếu làm cho chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ gần đây được phát triển mạnh?

- A. Cơ sở hạ tầng được phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.
B. Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.
C. Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.
D. Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

Câu 28. Vùng Đông Bắc có mùa đông lạnh và sớm nhất nước ta là do

- A. mùa đông sâu sắc, biển mang hơi ẩm.
B. địa hình núi cao, hướng tây bắc - đông nam.
C. chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông bắc.
D. ảnh hưởng của độ cao dãy chắn Hoàng Liên Sơn.

II. TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1: Em hãy trình bày sự khác biệt về tự nhiên và thế mạnh kinh tế của 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc? (2đ)

Câu 2: Hãy kể tên các loại cây trồng trong vụ đông? Nêu ý nghĩa của vụ đông thành vụ chính ở Đồng bằng sông Hồng? (1đ)

Chúc các em làm bài tốt !

Thời gian làm bài : 45 Phút

I, Trắc nghiệm (7 điểm): (Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)

CÂU	ĐÁP ÁN	CÂU	ĐÁP ÁN
1	B	16	D
2	C	17	C
3	B	18	C
4	D	19	A
5	B	20	D
6	B	21	D
7	C	22	C
8	A	23	B
9	A	24	A
10	C	25	D
11	A	26	D
12	D	27	B
13	B	28	C
14	D		
15	C		

II, Tự Luận: (3 điểm)

Câu 1: Sự khác biệt về tự nhiên và thế mạnh kinh tế của 2 tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc? a. Vùng Đông Bắc: (1đ) Địa hình núi trung bình, thấp, các dãy núi cánh cung. Khí hậu nhiệt đới ẩm, mùa đông lạnh kéo dài
->Thế mạnh kinh tế: Giàu tài nguyên khoáng sản, có thế mạnh trồng rừng, thủy điện, trồng cây công nghiệp, dược liệu, cây ăn quả, tiềm năng kinh tế, du lịch biển...

b. Vùng Tây Bắc: (1đ) Địa hình núi cao, hiểm trở. Khí hậu nhiệt đới ẩm, mùa đông ít lạnh ngắt -> Thế mạnh kinh tế : Phát triển thủy điện, trồng rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi, du lịch nghỉ mát....

Câu 2: Hãy kể tên các loại cây trồng trong vụ đông ở vùng Đồng bằng sông Hồng? Nêu ý nghĩa của vụ đông thành vụ chính ở Đồng bằng sông Hồng? (1đ)

– Các cây trồng vụ đông: Ngô đông, khoai tây, su hào, bắp cải, cà chua,...

– Ý nghĩa:

+ Làm tăng hệ số sử dụng ruộng đất.

+ Tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

+ Sử dụng hợp lý điều kiện tự nhiên, làm ra nhiều nông sản hàng hóa phục vụ nhu cầu thị trường,...